



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế



Accountants &  
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

---

## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 30

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

### **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 17 số 4000386181 ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

#### **2. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Bà Phạm Thị Minh Phượng	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Trần Quang Thái	Thành viên (Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Đinh Ngọc Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)

##### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Trưởng ban (Bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Bà Hồ Thị Thu Hồng	Thành viên Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Nguyễn Đình Quyết	Thành viên Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết số 28/NQ-DHCD/VHG ngày 22/7/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

#### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2020 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Lô 04 Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

### BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

#### 6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng

Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

#### 7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 30, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Quảng Nam



**VU ANH TUẤN**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021



Số: 023/2021/BCKT-HT.00075

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 4.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.309.800.578.379 đồng, chiếm 87,32% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2020 Công ty có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mở tại các ngân hàng (xem tại thuyết minh số 5.9 của Báo cáo tài chính riêng). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này

### Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành



**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**PHẠM QUANG KHẢI**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4018-2019-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.381.804.391</b>	<b>67.032.076.592</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>38.223.621</b>	<b>64.271.793</b>
1. Tiền	111		38.223.621	64.271.793
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	350.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(296.000.000)	(296.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.192.847.479</b>	<b>66.862.355.285</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	129.882.649.442	132.477.627.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.243.081.755	10.270.581.755
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.992.610.364	7.581.762.722
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(110.925.494.082)	(83.467.617.163)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.910.019.214	8.910.019.214
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>96.733.291</b>	<b>51.449.514</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		63.495.675	18.211.898
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	5.9	33.237.616	33.237.616
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>193.404.590.156</b>	<b>219.376.005.394</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(675.311.099)	(675.311.099)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>193.404.590.156</b>	<b>219.376.005.394</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		216.000.000.000	216.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		121.800.000.000	121.800.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(144.395.409.844)	(118.423.994.606)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>230.786.394.547</b>	<b>286.408.081.986</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.417.858.042</b>	<b>5.014.976.115</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.417.858.042</b>	<b>5.014.976.115</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	814.021.000	814.021.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.527.422	97.591.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	10.777.410.703	-
4. Phải trả người lao động	314		-	28.551.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	1.849.853.251	3.127.766.311
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.045.666	947.045.666
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>216.368.536.505</b>	<b>281.393.105.871</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.11	<b>216.368.536.505</b>	<b>281.393.105.871</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.169.114.884	26.169.114.884
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.309.800.578.379)	(1.244.776.009.013)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.244.776.009.013)	(1.154.456.096.868)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(65.024.569.366)	(90.319.912.145)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>230.786.394.547</b>	<b>286.408.081.986</b>

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HẠNH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẠNH

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



VŨ ANH TUẤN



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	-	8.908.654.136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10= 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>-</b>	<b>8.908.654.136</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	8.820.449.640
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>-</b>	<b>88.204.496</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	184.910	292.393
7. Chi phí tài chính	22	6.4	25.971.517.238	90.402.361.287
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	453.618.010
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý kinh doanh	26	6.5	30.655.032.652	660.175.010
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)</b>	<b>30</b>		<b>(56.626.364.980)</b>	<b>(90.974.039.408)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.100.000.000	656.472.438
12. Chi phí khác	32	6.7	10.498.204.386	2.345.175
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(8.398.204.386)</b>	<b>654.127.263</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(65.024.569.366)</b>	<b>(90.319.912.145)</b>
15. Chi phí thuế TNDN	51		-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>(65.024.569.366)</b>	<b>(90.319.912.145)</b>

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

*hanh*

*hanh*



NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(65.024.569.366)</b>	<b>(90.319.912.145)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
Các khoản dự phòng	03		53.429.292.157	(582.186.831.321)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(184.910)	672.135.218.379
Chi phí lãi vay	06		-	453.618.010
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(11.595.462.119)</b>	<b>82.092.923</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.166.347.110	1.548.381.939
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.402.881.927	(34.489.434.233)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.625.530.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(158.807.641)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>20</b>		<b>(26.233.082)</b>	<b>(34.643.297.619)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	55.674.289.104
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		184.910	292.393
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>184.910</b>	<b>42.474.581.497</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động TC</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(7.846.758.497)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(7.846.758.497)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(26.048.172)</b>	<b>(15.474.619)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>64.271.793</b>	<b>79.746.412</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ QĐ ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>38.223.621</b>	<b>64.271.793</b>

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HẠNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HẠNH

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



VŨ ANH TUẤN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 17 số 4000386181 ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:** Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ

Hoạt động chính của Công ty là trồng cây cao su

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Các công ty con tại ngày 31/12/2020, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2020, bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49%	49%

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 02 (tại ngày 31/12/2019 là 02).

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng là số liệu theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

### **2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

#### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán được Chủ tịch Hội đồng quản trị áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

#### **4.1. Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế với số tiền 1.309.800.578.379 đồng, chiếm 87,32% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 31/12/2020 Công ty có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mở tại các ngân hàng (xem tại thuyết minh số 5.9 của Báo cáo tài chính riêng). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng kế hoạch dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai thông qua các hoạt động tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Dựa trên các cơ sở này, Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Vì vậy, báo cáo tài chính riêng không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ có thể cần

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên

**4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4. Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

**Công ty con:** là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Công ty liên doanh:** là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

**Công ty liên kết:** là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4.5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

### **4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **4.7. Tài sản cố định vô hình**

#### **Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

### **4.8. Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

### **4.9. Vốn chủ sở hữu:**

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### **4.10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.11. Doanh thu và thu nhập**

##### **Doanh thu cung bán hàng và cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### **Thu nhập từ tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### **Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

### **Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### **4.12. Chi phí**

#### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư, chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **4.13. Thuế**

#### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

### **4.14. Báo cáo theo bộ phận**

Thông tin về bộ phận được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4.15. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4.16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

## **5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

### **5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
	VND	VND
Tiền mặt	469.483	12.384.616
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.754.138	51.887.177
<b>Cộng</b>	<b>38.223.621</b>	<b>64.271.793</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

a) Chứng khoán kinh doanh	Giá gốc	Cuối năm Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Cổ phiếu</b>						
Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu	350.000.000	(296.000.000)	54.000.000	350.000.000	(296.000.000)	54.000.000
<b>Cộng</b>	<b>350.000.000</b>	<b>(296.000.000)</b>	<b>54.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	<b>(296.000.000)</b>	<b>54.000.000</b>
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
	Giá gốc	Cuối năm Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>216.000.000.000</b>	<b>(122.901.157.778)</b>	<b>216.000.000.000</b>	<b>216.000.000.000</b>	<b>(115.801.153.864)</b>	<b>(*)</b>
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	216.000.000.000	(122.901.157.778)	(*) 216.000.000.000	216.000.000.000	(115.801.153.864)	(*)
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>121.800.000.000</b>	<b>(21.494.252.066)</b>	<b>121.800.000.000</b>	<b>121.800.000.000</b>	<b>(2.622.840.742)</b>	<b>(*)</b>
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	121.800.000.000	(21.494.252.066)	(*) 121.800.000.000	121.800.000.000	(2.622.840.742)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>337.800.000.000</b>	<b>(144.395.409.844)</b>	<b>337.800.000.000</b>	<b>337.800.000.000</b>	<b>(118.423.994.606)</b>	<b>(*)</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thông tin về công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2020**

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam Địa chỉ Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%	Trồng Cao su
<b>Thông tin về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2020</b>			
<b>Tên Công ty</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu trực tiếp</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn Địa chỉ Nhà số 2, LK6B, KĐT Mố Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49%	49%	Hoạt động tư vấn quản lý

**Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:**

	Năm nay
Số dư đầu năm	VND (118.423.994.606)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	(25.971.415.238)
Hoàn nhập dự phòng	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(144.395.409.844)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty CP Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long	616.500.601	616.500.601
Chi nhánh Công ty CP DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	464.032.000	464.032.000
Trịnh Văn Hà (i)	1.525.710.896	1.525.710.896
Phạm Văn Minh (ii)	63.750.000.000	63.750.000.000
Đặng Thúy Hoan (iii)	800.000.000	800.000.000
Đỗ Thị Bé (iv)	56.800.000.000	56.800.000.000
Phải thu của các đối tượng khác	5.926.405.945	8.521.384.474
<b>Cộng</b>	<b><u>129.882.649.442</u></b>	<b><u>132.477.627.971</u></b>
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>		
	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>129.882.649.442</u></b>	<b><u>132.477.627.971</u></b>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	-	-
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

- (i) Khoản phải thu của Ông Trịnh Văn Hà liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây.
- (ii) Khoản phải thu của Ông Phạm Văn Minh liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thủy sản Viễn Đông.
- (iii) Khoản phải thu của Bà Đặng Thúy Hoan liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam.
- (iv) Khoản phải thu của Bà Đỗ Thị Bé liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam

**5.4. Phải thu khác**

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu người lao động	-	-	67.500.000	-
Công ty CP Điện tử - Viễn thông Tin học Bưu điện	665.618.333	(665.618.333)	665.618.333	(665.618.333)
Công Ty CP Công nghiệp Cao Su Quảng Nam (*)	7.326.992.031	-	6.848.644.389	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.992.610.364</u></b>	<b><u>(665.618.333)</u></b>	<b><u>7.581.762.722</u></b>	<b><u>(665.618.333)</u></b>

(\*) Các khoản chi hộ phải thu công ty con

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.5. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Cuối năm		Thời gian quá hạn	Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND		VND	VND
Phạm Văn Minh	trên 03 năm	63.750.000.000	-	trên 03 năm	63.750.000.000	-
Đỗ Thị Bé	từ 01 năm đến 02 năm	56.800.000.000	28.400.000.000	dưới 06 tháng	56.800.000.000	56.800.000.000
Đối tượng khác		20.100.332.726	1.324.838.644		29.712.472.448	9.994.855.285
<b>Cộng</b>		<b>140.650.332.726</b>	<b>29.724.838.644</b>		<b>150.262.472.448</b>	<b>66.794.855.285</b>

**5.6. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu				
Công cụ, dụng cụ				
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)
Thành phẩm				
Hàng hóa				
<b>Cộng</b>	<b>8.910.019.214</b>	<b>(8.910.019.214)</b>	<b>8.910.019.214</b>	<b>(8.910.019.214)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng;
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 đồng;
- Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<u>Năm nay</u>
	VND
Số dư đầu năm	(8.910.019.214)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(8.910.019.214)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Phân mềm máy tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	675.311.099	675.311.099
- Mua trong năm		
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>675.311.099</b>	<b>675.311.099</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	675.311.099	675.311.099
- Khấu hao trong năm		
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>675.311.099</b>	<b>675.311.099</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng;  
 - TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 đồng;

**5.8. Phải trả người bán**

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công Ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	-	727.975.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	86.046.000	-	86.046.000	-
<b>Cộng</b>	<b>814.021.000</b>	<b>-</b>	<b>814.021.000</b>	<b>-</b>

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	<b>Cuối năm</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công Ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	-	727.975.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	86.046.000	-	86.046.000	-
<b>Cộng</b>	<b>814.021.000</b>	<b>-</b>	<b>814.021.000</b>	<b>-</b>

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

Không phát sinh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**Thuế phải nộp**

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.515.244.061	-	6.515.244.061
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	4.297.144.634	34.977.992	4.262.166.642
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>10.812.388.695</b>	<b>34.977.992</b>	<b>10.777.410.703</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2020, Công ty còn nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 10.777.410.703 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa tài khoản của Công ty mở tại các ngân hàng

**Thuế phải thu**

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.153.725	82.163.333	82.163.333	1.153.725
Thuế tài nguyên	32.083.891	-	-	32.083.891
<b>Cộng</b>	<b>33.237.616</b>	<b>82.163.333</b>	<b>82.163.333</b>	<b>33.237.616</b>

**5.10. Phải trả phải nộp khác**

a) Ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	71.570.133	69.557.193
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76.025.547	76.025.547
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.702.257.571	2.982.183.571
<b>Cộng</b>	<b>1.849.853.251</b>	<b>3.127.766.311</b>

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76.025.547	76.025.547
Trần Văn Anh Tùng	2.688.571	2.688.571
UBND xã Tam Lộc	59.495.000	59.495.000
<b>Cộng</b>	<b>138.209.118</b>	<b>138.209.118</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.11. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuê chưa PP	Cộng
	VND		VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>26.169.114.884</b>	<b>(1.154.456.096.868)</b>	<b>371.713.018.016</b>
Lỗ trong năm trước	-	-	(90.319.912.145)	(90.319.912.145)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>26.169.114.884</b>	<b>(1.244.776.009.013)</b>	<b>281.393.105.871</b>
Lỗ trong năm nay	-	-	(65.024.569.366)	(65.024.569.366)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>26.169.114.884</b>	<b>(1.309.800.578.379)</b>	<b>216.368.536.505</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>1.500.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	-	8.908.654.136
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>8.908.654.136</u>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	-	-

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	8.820.449.640
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>8.820.449.640</u>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	184.910	292.393
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
<b>Cộng</b>	<u>184.910</u>	<u>292.393</u>

**6.4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	453.618.010
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	672.135.510.772
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	25.971.415.238	39.460.121.333
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(621.646.952.654)
Chi phí tài chính khác	102.000	63.826
<b>Cộng</b>	<u>25.971.517.238</u>	<u>90.402.361.287</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	106.979.617	335.130.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.454.219	461.286.234
Chi phí khác bằng tiền	4.743.368	3.100.000
Dự phòng phải thu khó đòi	30.052.855.448	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(139.341.230)
<b>Cộng</b>	<b><u>30.655.032.652</u></b>	<b><u>660.175.010</u></b>

**6.6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu tiền phạt	-	-
Các khoản khác	2.100.000.000	656.472.438
<b>Cộng</b>	<b><u>2.100.000.000</u></b>	<b><u>656.472.438</u></b>

**6.7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.379.144.634	351.125
Các khoản khác	6.119.059.752	1.994.050
<b>Cộng</b>	<b><u>10.498.204.386</u></b>	<b><u>2.345.175</u></b>

**6.8. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	106.979.617	335.130.006
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.454.219	461.286.234
Chi phí bằng tiền khác	4.743.368	3.100.000
<b>Cộng</b>	<b><u>602.177.204</u></b>	<b><u>799.516.240</u></b>

**6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất, do đó thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp	-	-

***Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm***

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>1. Ông Vũ Anh Tuấn</b>		
+ Mượn tiền	820.074.000	420.000.000
<b>2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam</b>		
+ Nộp hộ tiền thuê đất	-	118.934.082
+ Nhận nợ hộ tiền thuê đất	478.347.642	-

***Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm***

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	7.326.992.031	6.848.644.389
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>		
+ Ông Vũ Anh Tuấn	1.640.074.000	820.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**7.3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất, do đó thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Một số số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay do ảnh hưởng từ kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế tại Công ty, cụ thể như sau:

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019:**

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>			
Thuế GTGT được khấu trừ	152	71.038.023	(52.826.125)	18.211.898
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(191.139.793.448)	72.715.798.842	(118.423.994.606)
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.457.672.348	(643.651.348)	814.021.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	163.239.206	(65.647.215)	97.591.991
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1.318.148.280.293)	73.372.271.280	(1.244.776.009.013)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(1.227.956.096.868)	73.500.000.000	(1.154.456.096.868)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(90.192.183.425)	(127.728.720)	(90.319.912.145)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:**

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
Chi phí tài chính	22	89.618.160.129	784.201.158	90.402.361.287
Thu nhập khác	31	-	656.472.438	656.472.438
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(90.192.183.425)	(127.728.720)	(90.319.912.145)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(90.192.183.425)	(127.728.720)	(90.319.912.145)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:**

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo		Số sau phân loại lại
		VND	VND	
Lợi nhuận trước thuế	01	(90.192.183.425)	(127.728.720)	(90.319.912.145)
Các khoản dự phòng	03	(582.971.032.479)	784.201.158	(582.186.831.321)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.495.555.814	52.826.125	1.548.381.939
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.780.135.670)	(709.298.563)	(34.489.434.233)

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HẠNH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HẠNH

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2021  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



VŨ ANH TUẤN